

BÁO CÁO THỰC HIỆN TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2020

Tên đơn vị báo cáo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Số tốt nghiệp	Số trúng tuyển	Số nhập học	Số chỉ tiêu
I	Tiến sĩ				
1	Khoa học y sinh	12	4	4	22
2	Gây mê hồi sức	1	1	1	4
3	Hồi sức cấp cứu và chống độc	1	0	0	5
4	Ngoại khoa	12	7	7	12
5	Sản phụ khoa	4	3	3	5
6	Nhi khoa	5	3	3	3
7	Nội khoa	18	13	13	37
8	Ung thư	7	4	4	1
9	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh	0	0	0	4
10	Điện quang và y học hạt nhân	0	1	1	7
11	Dịch tễ học	0	0	0	5
12	Dược lý và độc chất	3	0	0	2
13	Tai - Mũi - Họng	3	0	0	5
14	Mắt (Nhãn khoa)	7	3	3	3
15	Dinh dưỡng	2	2	2	4
16	Răng - Hàm - Mặt	8	2	2	5
17	Y tế công cộng	2	7	7	8
18	Quản lý Y tế	3	1	1	5
19	Y học cổ truyền	2	1	1	2
	Tổng	90	52	52	
II	Thạc sĩ				
1	Khoa học y sinh	63	74	74	96
2	Gây mê hồi sức	24	20	20	20
3	Hồi sức cấp cứu và chống độc	29	40	40	40
4	Ngoại khoa	121	128	128	132
5	Sản phụ khoa	57	40	40	42
6	Nhi khoa	56	15	15	15
7	Nội khoa	271	282	282	316
8	Ung thư	60	60	60	60
9	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh	27	21	21	21
10	Điện quang và y học hạt nhân	77	67	67	68
11	Dịch tễ học	3	4	4	21
12	Dược lý và độc chất	1	3	3	3
13	Tai - Mũi - Họng	36	25	25	25
14	Mắt (Nhãn khoa)	16	27	27	30
15	Y học dự phòng	30	36	36	42
16	Điều dưỡng	40	41	41	40
17	Dinh dưỡng	21	47	47	43
18	Răng - Hàm - Mặt	26	31	31	33
19	Kỹ thuật xét nghiệm y học	39	26	26	39
20	Y tế công cộng	40	43	43	41

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Số tốt nghiệp	Số trúng tuyển	Số nhập học	Số chỉ tiêu
21	Quản lý bệnh viện	12	11	11	19
22	Y học gia đình	4	8	8	12
23	Y học cổ truyền	31	26	26	38
	Tổng	1084	1075	1075	1196
III	Chuyên khoa cấp I				
1	Chẩn đoán hình ảnh	66	63	62	150
2	Da liễu	21	32	32	32
3	Dị ứng - MDLS				10
4	Gây mê hồi sức	38	30	30	48
5	Giải phẫu bệnh	13	6	6	14
6	Hoá sinh Y học	5	8	7	25
7	Hồi sức cấp cứu	62	63	63	55
8	Huyết học - Truyền máu	11	10	10	27
9	Ký sinh trùng				20
10	KTYH chuyên ngành-XN	14	31	30	58
11	Lao	5	6	6	27
12	Ngoại khoa	82	80	80	190
13	Phẫu thuật tạo hình		2	2	
14	Nhãn khoa	22	40	39	164
15	Nhi khoa	98	22	22	95
16	Nội khoa	109	136	133	100
17	Nội Tim mạch		19	19	70
18	Phục hồi chức năng	13	40	40	18
19	Răng Hàm Mặt	29	25	25	84
20	Sản phụ khoa	109	70	70	76
21	Tai Mũi Họng	34	30	30	36
22	Tâm thần	7	4	4	24
23	Thần kinh	12	12	12	34
24	Truyền nhiễm	15	16	14	16
25	Ung thư	20	25	25	61
26	Vị sinh	5	1	1	26
27	Y học cổ truyền	36	91	91	100
28	Y học gia đình	4	8	8	19
29	Y học hạt nhân	2	1	1	10
30	Y pháp	1	0	0	20
31	Dinh dưỡng	3	0	0	50
32	Y học dự phòng	0	2	2	100
33	Y tế công cộng		1	1	100
	Tổng	836	874	865	1859
IV	Chuyên khoa cấp II				
1	Chẩn đoán hình ảnh	28	16	15	20
2	Da liễu	9	18	18	7
3	Dị ứng - MDLS	3	2	2	3
4	Gây mê hồi sức	18	16	16	15
5	Giải phẫu bệnh	6	8	8	4
6	Hóa sinh y học	3	6	6	6

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Số tốt nghiệp	Số trúng tuyển	Số nhập học	Số chỉ tiêu
7	Hồi sức cấp cứu	7	8	8	7
8	Huyết học và truyền máu	8	7	7	5
9	Ký sinh trùng				3
10	Lao và bệnh phổi	3	2	2	4
11	Ngoại khoa	47	71	71	57
12	Nhãn khoa	13	7	7	17
13	Nhi khoa	32	13	13	13
14	Nội khoa		20	20	20
15	Lão khoa	5	5	5	6
16	Nội - Hô hấp	5	4	4	6
17	Nội - Thận Tiết niệu	2	4	4	4
18	Nội - Nội tiết	8	3	3	6
19	Nội - Tiêu hóa	7	5	5	7
20	Nội-xương khớp	5	5	5	5
21	Nội-Tim mạch	10	17	17	12
22	Phục hồi chức năng	4	5	5	6
23	Răng - Hàm - Mặt	8	5	5	100
24	Sản Phụ khoa	27	22	22	20
25	Tai - Mũi - Họng	7	12	12	10
26	Tâm thần	3	8	8	10
27	Thần kinh	3	6	6	30
28	Truyền nhiễm & CBNĐ	4	9	9	15
29	Ung thư	27	26	25	28
30	Vi sinh y học	2	3	3	5
31	Y học cổ truyền	6	5	5	10
32	Y học hạt nhân		1	1	6
33	Y pháp		1	1	12
34	Quản lý y tế	3	29	29	32
35	Y tế công cộng		0	0	48
Tổng		313	369	367	559
V	Bác sĩ nội trú				
1	Chẩn đoán hình ảnh	18	40	40	40
2	Da liễu	6	10	10	10
3	Dị ứng - MDLS	5	4	4	4
4	Dược lý và độc chất	1	1	1	1
5	Gây mê hồi sức	12	8	8	8
6	Giải phẫu bệnh	6	1	0	1
7	Giải phẫu người	1	5	5	5
8	Hoá sinh y học	7	6	5	6
9	Hồi sức cấp cứu	8	16	15	16
10	HH-TM	12	6	6	6
11	Ký sinh trùng		4	2	4
12	Lao	7	7	6	7
13	Mô phôi thai học	3	3	1	3
14	Ngoại khoa	37	60	59	60

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Số tốt nghiệp	Số trúng tuyển	Số nhập học	Số chỉ tiêu
15	Nhãn khoa	4	10	10	10
16	Nhi khoa	20	15	15	15
17	Nội khoa	36	68	66	68
18	Lão khoa		3	3	3
19	Nội Tim mạch	17	20	20	20
20	Phẫu thuật tạo hình	7	6	6	6
21	Phục hồi chức năng	6	10	10	10
22	Răng - Hàm - Mặt	7	8	8	8
23	Sản phụ khoa	9	12	12	12
24	Sinh lý bệnh-Miễn dịch	1	1	1	1
25	Sinh lý học	3	2	0	2
26	Tai - Mũi - Họng	7	10	10	10
27	Tâm thần	5	15	13	15
28	Thần kinh	9	25	21	25
29	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	10	9	8	9
30	Ung thư	13	25	25	25
31	Vi sinh y học		10	6	10
32	Y học cổ truyền	7	8	8	8
33	Y học gia đình	2	7	6	7
34	Y học hạt nhân				
35	Y pháp		2	1	2
36	Y sinh học di truyền	3	12	11	12
37	Dinh dưỡng	3	8	7	8
38	Y học dự phòng	2	1	1	1
	Tổng	294	458	430	458

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2021

KT. HIỆU TRƯỞNG 
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Quốc Hưng

Người lập bảng

Họ tên: Trần Thị Bích Hòa

Email: tbichhhoa@hmu.edu.vn

Điện thoại: 0988278848

Chữ ký: